

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2021 – 2022

(Kèm Kế hoạch số 151/KH-THPT HB ngày 19 tháng 1 năm 2022 của trường THPT Hiệp Bình)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm				
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	79.64%	82.23%	71.79%	85.99%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	16.8%	14.31%	22.91%	12.5%
3	Trung bình (tỉ lệ so với tổng số)	3.2%	2.83%	4.96%	1.51%
4	Yếu (tỉ lệ so với tổng số)	0.36%	0.0%	0.34%	0.63%
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Giỏi (tỉ lệ so với tổng số)	26.35%	24.37%	26.5%	28.88%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	55.96%	52.2%	55.38%	61.85%
3	Trung bình (tỉ lệ so với tổng số)	16.85%	21.86%	17.61%	9.05%
4	Yếu (tỉ lệ so với tổng số)	0.83%	1.57%	0.51%	0.22%
5	Kém (tỉ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỉ lệ so với tổng số)	99,77%	99,69%	99,66%	100%
a	HS Giỏi (tỉ lệ so với tổng số)	26.35%	24.37%	26.5%	28.88%
b	HS tiên tiến (tỉ lệ so với tổng số)	55.96%	52.2%	55.38%	61.85%
2	Thi lại, rèn luyện hè (tỉ lệ so với tổng số)	1,07%	2,04%	0,85%	0
3	Lưu ban (tỉ lệ so với tổng số)	0,23%	0,31%	0,34%	0
4	Chuyển trường đến/ đi (tỉ lệ so với tổng số)	0,65/1,66	0,15/0,31	1,19/2,56	0,64/2,37
5	Bị đuổi học (tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (tỉ lệ so với tổng số)	0,41%	0,31%	0,85%	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	17	0	0	17
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/ Thành phố	17	0	0	17
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0



V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				463
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				457
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỉ lệ % so với tổng số)	Đang cập nhật			
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỉ lệ % so với tổng số)	Đang cập nhật			
IX	Số học sinh nam/ Số học sinh nữ	839/846	326/310	303/282	210/254
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	32	14	07	11

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Ngọc Anh

